

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1247~~ /QĐ - UBND

Hoàng Hóa, ngày 25 tháng 02 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Linh Trường, xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 /04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng v/v Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng ven biển huyện Hoàng Hoá và Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 19/07/2011 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Linh Trường tại xã Hoàng Trường;

Căn cứ Quyết định số 7282/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500, khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Linh Trường tại xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại tờ trình số 64/TTr-KT&HT ngày 25/ 02 /2020; Kèm theo Văn bản số 889/SXD-PTĐT ngày 21/02/2020 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng dự án khu du lịch nghỉ dưỡng biển Linh Trường Xanh, Khu du lịch sinh thái biển Hải tiến, huyện Hoàng Hóa,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Linh Trường tại xã Hoàng

Trường, huyện Hoằng Hóa với nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Linh Trường tại xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa

**2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Quốc Trí.

**3. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch**

Khu đất nghiên cứu lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Linh Trường, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa tuân thủ theo Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 19/07/2011 của UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Linh Trường (Khu du lịch nghỉ dưỡng biển Linh Trường Xanh, khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến) tại xã Hoằng Trường. Cụ thể, phạm vi nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch như sau:

- Phía Bắc: giáp mặt bằng quy hoạch (MBQH 142);
- Phía Nam: giáp khu dân cư hiện trạng;
- Phía Đông: giáp biển Đông;
- Phía Tây: giáp Núi Bò và khu dân cư hiện trạng

Tổng diện tích nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch khoảng: 19,18 ha.

**4. Tính chất, chức năng của khu vực.**

Là khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển với các chức năng: không gian công cộng, dịch vụ du lịch gắn với cảnh quan tự nhiên khu vực.

**5. Quy mô dân số và đất đai .**

*5.1. Quy mô dân số và khách du lịch*

Dự báo quy mô dân số và khách du lịch quy đổi trong khu vực lập điều chỉnh quy hoạch khoảng 2.000 người, trong đó:

+ Đến năm 2025 khách du lịch khoảng 150.000 khách/năm (Sau khi ưu tiên đầu tư các cơ sở vật chất, hạ tầng du lịch, cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch thiết yếu theo quy hoạch).

+ Đến năm 2030, lượng khách du lịch khoảng 200.000 lượt khách/năm (Cơ bản hoàn thiện các khu chức năng theo quy hoạch). Quy đổi thành dân số đô thị khoảng ~ 2.200 người.

*5.2. Quy mô đất đai:*

Tổng diện tích quy hoạch: 19,18 ha.

| T<br>T | KÝ<br>HIỆU | CHỨC NĂNG SỬ<br>DỤNG                       | DIỆN<br>TÍCH Ô<br>ĐẤT<br>(M <sup>2</sup> ) | CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH |             |                                 |                       | TỶ LỆ<br>(%) |
|--------|------------|--|--|------------------------|-------------|---------------------------------|-----------------------|--------------|
|        |            |  |  | SỐ<br>LÔ               | MDXD<br>(%) | TẦNG<br>CAO<br>TỐI ĐA<br>(TẦNG) | HỆ SỐ<br>SDD<br>(LẦN) |              |
| 1      | CT-        | Đất Du lịch nghỉ<br>dưỡng dạng cao<br>tầng | 6.651,7                                    | 2                      |             |                                 |                       | 3,47         |
|        | CT-01      | Công trình hỗn hợp                         | 3.637,7                                    | 1                      | 75          | 21                              | 15,8                  |              |
|        | CT-02      | Công trình hỗn hợp                         | 3.014,0                                    | 1                      | 80          | 15                              | 12,0                  |              |
| 2      | KS-        | Đất Khách sạn<br>mini                      | 12.060                                     | 40                     | 80          | 8                               | 6,4                   | 6,29         |
| 3      | SH-        | Đất du lịch nghỉ<br>dưỡng dạng liên kế     | 32.358,0                                   | 330                    | 80          | 4                               | 3,2                   | 16,87        |
| 4      | DV-        | Đất công trình dịch<br>vụ                  | 5.346,70                                   | 2                      |             |                                 |                       | 2,79         |
| 5      | CX-        | Đất cây xanh, vườn<br>hoa                  | 13.485                                     |                        |             |                                 |                       | 7,03         |
| 6      | CV-        | Đất công viên cây<br>xanh                  | 54.591                                     |                        | 5           | 2                               | 0,1                   | 28,47        |
| 7      | HTKT<br>-  | Đất công trình đầu<br>mối hạ tầng KT       | 675  |                        | 85          | 1                               | 0,85                  | 0,35         |
| 8      | BĐX-       | Đất bãi đỗ xe                              | 1.401,5                                    |                        |             |                                 |                       | 0,73         |
| 9      | ĐD-        | Đất đường dạo,<br>đường đi bộ              | 1.647                                      |                        |             |                                 |                       | 0,86         |
| 10     | GT-        | Đất giao thông                             | 63.566,1                                   |                        |             |                                 |                       | 33,14        |
|        |            | Tổng diện tích lập<br>Quy hoạch            | 191.782                                    |                        |             |                                 |                       | 100,00       |

## 6. Quy hoạch không gian và kiến trúc cảnh quan.

### 6.1. Đất du lịch nghỉ dưỡng dạng cao tầng.

Đất du lịch nghỉ dưỡng dạng cao tầng được bố trí tại 02 vị trí. Khu nghỉ dưỡng cao tầng CT-02 (15 tầng) được bố trí tại phía Tây dự án. Khu nghỉ dưỡng cao tầng CT-01 (21 tầng) tại phía Bắc dự án được nghiên cứu và lựa chọn vị trí có tầm nhìn đẹp, rộng bao quát, đây cũng là điểm nhấn chính của khu vực; Diện tích đất du lịch nghỉ dưỡng dạng cao tầng có quy mô xây dựng từ 15-21 tầng, mật độ xây dựng 75-80%, hệ số sử dụng đất tối đa 12,0-15,8 lần. Tổng diện tích: 6.651,7m<sup>2</sup>.

### 6.2. Đất Khách sạn mini.

Bố trí tập trung tại phía Nam và Tây Bắc của dự án gần với các tuyến đường giao thông đối nội dự án, Khu vực khách sạn mini phía tây bắc dự án được gần với tuyến đường quy hoạch của MBQH 142, các khu đất khách sạn mini tiếp giáp đường phân khu mặt cắt rộng đảm bảo cho việc đỗ xe tạm thời, giao thông thông suốt. Ngoài ra, cũng bố trí các khu cây xanh vườn hoa cạnh các

khu khách sạn để tăng tính hấp dẫn đối với du khách và cải tạo không khí. Diện tích đất khách sạn mini có quy mô xây dựng 8 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%, hệ số sử dụng đất tối đa 6,4 lần. Tổng diện tích: 12.060 m<sup>2</sup>.

### 6.3. Đất du lịch nghỉ dưỡng liền kề.

Bố trí tập trung tại vị trí trung tâm và một phần phía nam dự án gắn với tuyến đường 22m (theo QH) có hướng tuyến từ Bắc xuống Nam liên kết toàn bộ các khu du lịch ven biển đô thị Hải Tiến. Nhằm sắp xếp, cải tạo không gian khu vực nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất với mô hình nhà ở kết hợp kinh doanh thương mại (dạng shop house) với quy mô xây dựng 4 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%, hệ số sử dụng đất tối đa 3,2 lần. Tổng diện tích: 32.358,0 m<sup>2</sup>. Với khoảng 330 căn dạng shop house sẽ đem lại không gian kiến trúc đồng bộ, hiện đại kết hợp mô hình thương mại sẽ đem lại tuyến phố sầm uất, nhộn nhịp.

### 6.4. Đất công trình dịch vụ.

Là khu vực quản lý chung cho toàn khu cũng như không gian liên hệ, giới thiệu và đáp ứng các dịch vụ du lịch thiết yếu như xe điện, phao bơi, tắm trắng, quà lưu niệm, phục vụ tổ chức sự kiện cho không gian quảng trường...vv. Diện tích 5.346,70 m<sup>2</sup>, tầng cao 4-5 tầng, mật độ xây dựng 67-70%, hệ số sử dụng đất 2,8-3,35 lần.

### 6.5. Đất cây xanh vườn hoa.

Cây xanh, sân vườn được phân bố đều trên toàn bộ diện tích dự án và tập trung dọc theo các tuyến cây xanh phía Đông Bắc và Tây Nam khu đất, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp thân thiện cho toàn dự án. Diện tích 13.485 m<sup>2</sup>.

### 6.6. Đất công viên cây xanh.

Khu công viên cây xanh tập trung được bố trí tại khu vực phía Bắc của khu vực giáp với khu đất đấu giá của huyện Hoàng Hóa chiếm tỷ lệ lớn 28,5% trên tổng diện tích nghiên cứu. Đây là khu không gian mở lớn phục vụ nhu cầu thư giãn nghỉ dưỡng, ngắm cảnh sinh thái, và các hoạt động vui chơi giải trí nhỏ cho du khách. Diện tích 54.591 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng 5%, tầng cao tối đa 2 tầng, hệ số sử dụng đất 0,1 lần.

### 6.7. Đất công trình đầu mối Hạ tầng.

Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị được nghiên cứu vị trí và quy mô phù hợp, dựa trên nhu cầu thực tiễn và căn cứ vào các bước nghiên cứu khảo sát tình hình thực tế. Tổng diện tích 675 m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng 85%, tầng cao 1 tầng, hệ số sử dụng đất 0,85 lần.

## 6.8. Đất bãi đỗ xe.

Bố trí 03 bãi đỗ xe tập trung là giao thông tĩnh với tổng diện tích 1.401,5 m<sup>2</sup> đáp ứng nhu cầu đỗ xe cho khu du lịch. Tại mỗi khu chức năng dịch vụ du lịch yêu cầu phải đáp ứng tối thiểu 80% lượng xe theo khả năng dung nạp khách du lịch của công trình trong khuôn viên và tầng hầm, bán hầm nhằm giảm tải cho các khu vực đỗ xe công cộng, tăng tính tự chủ và đảm bảo an ninh trật tự cho toàn khu.

## 6.9. Đất đường dạo và đường đi bộ :

Vật liệu lát hè, sân đường đi bộ ngoài nhà chủ yếu sử dụng vật liệu tự nhiên, thân thiện môi trường, tuổi thọ cao. Biện các giải pháp lát hè, sân đường đi bộ ngoài nhà thành các tác phẩm nghệ thuật bền vững, thân thiện với mọi đối tượng sử dụng. Giúp con người tiếp cận các tiện ích đô thị an toàn, thuận lợi, thoải mái đồng thời đảm bảo tính dẫn hướng tốt. Màu sắc hài hòa, tránh gây chói lóa khi trời nắng, giảm thiểu hấp thụ ánh nắng mặt trời, tránh trơn trượt trong điều kiện thời tiết ẩm ướt. Tổng diện tích 1.647 m<sup>2</sup>.

## 7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

### 7.1. Quy hoạch San nền:

- Hướng san nền thoát nước dốc về phía theo hướng chính từ Tây sang Đông và từ Nam lên Bắc, hướng thoát chính của khu vực đổ ra sông Lạch Trường.

- Toàn dự án có các lô san nền với ranh giới là chỉ giới đường đỏ các tuyến đường chính hoặc ranh giới dự án. San nền các lô theo nguyên tắc đảm bảo hướng thoát nước chính của khu vực, cao độ các lô phù hợp với việc tiếp cận ra các tuyến đường tùy vào hình thức, chức năng các lô là công trình cao tầng hay nhà liền kề. Các lô sẽ được đánh dốc thoát nước mặt ra các tuyến đường xung quanh và các hố ga thu nước. Cao độ san nền thấp nhất +2.7m (là cao độ đầu nối với khu đất đầu giá phía bắc giáp sông Lạch Trường, cao độ san nền cao nhất +3.8m (là cao độ đỉnh đê biển theo quy hoạch tuyến đê biển quy hoạch chung) ;

Vật liệu san nền: san bằng cát, độ đầm chặt K=0,90 trở lên;

### 7.2. Quy hoạch giao thông

#### a) Giao thông đối ngoại

- Tuyến đường ven biển cấp đô thị ở phía Đông dự án.

Mặt cắt ngang 1-1 (Đường đối ngoại, quy mô mặt cắt ngang rộng 22,0 m).

+ Chiều rộng mặt đường chính: 2 x 6,0m.

+ Chiều rộng hè đường: 2x5,0m

#### b) Nút giao thông:

Các nút giao thông được tổ chức giao bằng trên cơ sở đảm bảo yếu tố kỹ thuật và kiến trúc cảnh quan.

c) Giao thông đối nội ( giao thông trong khu vực dự án)

- Các tuyến đường đối nội: Các tuyến đường có mặt cắt như sau:

Mặt cắt ngang 2-2 (Đường nội bộ, quy mô mặt cắt ngang rộng 20,0m).

+ Chiều rộng mặt đường chính: 2 x 5,0m.

+ Chiều rộng hè đường: 2x5,0m

Mặt cắt ngang 3-3 (Đường nội bộ, quy mô mặt cắt ngang rộng 13.5 m).

+ Chiều rộng mặt đường chính: 2 x 3,75m.

+ Chiều rộng hè đường: 2x3m

Mặt cắt ngang 3'-3' (Đường nội bộ, quy mô mặt cắt ngang rộng 14 m).

+ Chiều rộng mặt đường chính: 2 x 3,75m.

+ Chiều rộng hè đường: (3,5m + 3m )

Mặt cắt ngang 4-4 (Đường nội bộ, quy mô mặt cắt ngang rộng 21,5 m ).

+ Chiều rộng mặt đường chính: 5m+10,5m.

+ Chiều rộng hè đường: 2x3m.

Mặt cắt ngang 5-5 (Đường nội bộ, quy mô mặt cắt ngang rộng 16,0 m ).

+ Chiều rộng mặt đường chính: 2x 5m.

+ Chiều rộng hè đường: 2x 3m.

Mặt cắt ngang 5'-5' (Đường nội bộ, quy mô mặt cắt ngang rộng 16,5 m ).

+ Chiều rộng mặt đường chính: 2x 5,25m.

+ Chiều rộng hè đường: 2x 3m.

Mặt cắt ngang 6-6 (Đường nội bộ, quy mô mặt cắt ngang rộng 9,5 m ).

+ Chiều rộng mặt đường chính: 2x 3,75m.

+ Bề rộng lề: 2x1m.

Mặt cắt ngang 7-7 (Đường nội bộ, quy mô mặt cắt ngang rộng 3,5m)

+ Chiều rộng mặt đường chính 1x 3,5m.

d) Bãi đỗ xe tĩnh: Dự kiến bố trí 03 bãi đỗ xe nổi (P1, P2, P3) có tổng diện tích 1401,5m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 0,73% tổng diện tích khu đất.

7.3. Quy hoạch Cấp điện và Thông tin liên lạc:

a) Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện cấp cho khu vực dự án dự kiến lấy từ lưới điện 35(22) kV từ trạm biến áp xây mới. Để có được mạng lưới điện đáp ứng cho việc xây dựng khu du lịch phải lập trạm điện mới. Trạm này dự kiến đấu điện từ mạng lưới điện của khu quy hoạch du lịch Hải tiên. Dự kiến 2 điểm đấu nối nằm phía tây bắc và tây nam của dự án, cụ thể điểm đấu nối do điện lực huyện Hoàng Hóa quyết định;

- Giải pháp thiết kế lưới điện 35(22)kV đi trên các tuyến đường của dự án là hệ thống cáp điện 35(22)kV chôn ngầm trong đất dưới vỉa hè;

- Cáp ngầm 35(22)kV sử dụng loại cáp chôn ngầm ruột đồng có đặc tính chống thấm dọc tiêu chuẩn IEC. Hộp đầu cáp, hộp nối cáp được thiết kế theo tiêu chuẩn IEC;

- Cáp 35(22)kV chôn ngầm trong đất dưới vỉa hè ở độ sâu tối thiểu 0,7m, đoạn qua đường ở độ sâu tối thiểu 1m, vị trí các tuyến cáp đi không gây ảnh hưởng đến các hạng mục hạ tầng khác trong khu đô thị và thuận tiện cho việc quản lý vận hành;

- Tổng công suất yêu cầu từ lưới điện là 14622 kW.

b) Thông tin liên lạc:

- Xây dựng đường đi hệ thống hạ tầng cáp và cống cáp để đón được tín hiệu internet vào khu 19HA (khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Linh Trường) một cách nhanh nhất theo quãng đường đi ngắn nhất có thể.

- Xây dựng hệ thống mạng nội bộ đảm bảo phục vụ cho toàn bộ khu vực 19HA ( tại khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Linh Trường - Hoàng Trường - Hoàng Hóa - Thanh Hóa ). Hệ thống cần có độ ổn định và khả năng đáp ứng tối đa nhu cầu các ứng dụng đi kèm như : internet, điện thoại IP, IPTV, hệ thống theo dõi và giám sát camera, hệ thống âm thanh công cộng .v.v.

- Toàn bộ hệ thống mạng, hay hệ thống thông tin khu vực 19Ha được xây dựng dựa trên hệ thống mạng cáp quang trục và cáp quang phân chia ra các nhánh đến từng khu vực làm việc, từng căn biệt thự hay từng khu vực quản lý.

- Tất cả cáp quang tập trung đầu nối trong tủ trung tâm đặt trong nhà kỹ thuật

- Từ tủ tổng trong nhà kỹ thuật sẽ chia đến các tủ đầu dây chính khu vực bằng cáp quang 96FO và tới các tủ đầu dây nhánh bằng cáp quang 96FO

- Từ các tủ đầu dây nhánh sẽ cấp tín hiệu vào từng căn biệt thự bằng cáp quang 8FO.

- Đảm bảo sự ổn định, lâu dài của hệ thống hạ tầng cáp, trong quá trình hoạt động ít phát sinh sự cố nhất.

- Hệ thống được xây dựng phải đảm bảo các tiêu chí sau :

+ Đảm bảo độ tin cậy cao, dễ dàng thay thế, mở rộng, bảo trì bảo dưỡng.

+ Đảm bảo luôn cáp dễ dàng.

+ Đảm bảo đáp ứng được khả năng bổ sung dịch vụ mạng từ ngoài vào khu vực để phù hợp với mọi yêu cầu của người sử dụng.

+ Có khả năng thích ứng cao, dễ dàng áp dụng các công nghệ mới nhất, các chức năng mạng tân tiến phù hợp với công nghệ phát triển.

+ Đảm bảo phối hợp hoạt động với hạ tầng mạng hiện có trong khu vực.

+ Dễ dàng vận hành, backup, nâng cấp, bảo dưỡng, thay thế sửa chữa hệ thống khi cần thiết hoặc có sự cố phát sinh một cách nhanh nhất.

#### 7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

##### \* Nguồn nước

Hiện trạng có tuyến ống D140 và D200 của nhà máy nước Hoàng Tiến cấp đến gần phía Nam của dự án. Khi dự án đi vào hoạt động tuyến ống này sẽ tăng lên theo quy hoạch chung để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước theo quy hoạch.

Cấp nước cho dự án lập quy hoạch dự kiến công suất khoảng 2.100 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Vị trí điểm đầu nối theo quy hoạch chung phía nam của dự án.

##### \* Hệ thống cấp nước

Nguồn nước từ nhà máy nước theo quy hoạch chung được cấp đến dự án theo mạng lưới đường ống cấp đến các công trình, tại các công trình xây dựng bể chứa cục bộ dự trữ cho 2-3 ngày sử dụng.

##### \* Mạng lưới đường ống:

Xây dựng tuyến ống cấp nước có đường kính  $\Phi$  400mm,  $\Phi$ 110mm,  $\Phi$ 75mm,  $\Phi$ 63mm, dọc theo các tuyến đường trong khu vực lập quy hoạch. các tuyến ống này được lấy nguồn theo quy hoạch chung.

Mạng lưới đường ống chính trong khu vực được thiết kế là mạng lưới vòng. Tuyến ống dịch vụ cấp nước đến các nhóm nhà là các tuyến cụt.

##### \* Cấp nước chữa cháy

Dọc theo các tuyến đường có đường ống cấp nước đường kính từ  $\Phi$ 110 trở lên dự kiến đặt một số họng cứu hỏa, khoảng cách giữa các họng cứu hỏa theo quy định, 150m 1 trụ. Các họng cứu hỏa này sẽ có thiết kế riêng và phải có sự phối hợp thống nhất với cơ quan phòng cháy chữa cháy của khu vực.

#### 7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

##### a) Thoát nước thải:

Hệ thống: Nước thải thoát độc lập với nước mưa. Nước thải trong dự án được thoát về trạm xử lý tập trung, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Nước thải của khu vực quy hoạch được thu gom về các trạm xử lý cục bộ theo các tuyến cống D600 được xây dựng dọc theo một số tuyến đường trong khu quy hoạch, các tuyến ống nhánh phụ sử dụng cống D300, nước thải sau khi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường được cơ quan quản lý môi trường cho phép thoát vào hệ thống thoát nước mưa.

- Dọc theo các tuyến cống thoát nước bản bố trí các giếng thăm tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống, tại điểm xả các công trình để nạo



vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa cống, khoảng cách giữa các giếng là 20 - 25m (đối với cống D300mm).

b) Vệ sinh môi trường:

- Rác thải được thu gom và vận chuyển đến bãi xử lý chất thải rắn của Thành phố.

- Phân loại rác: Để thuận tiện trong thu gom, vận chuyển và tái sử dụng cần tiến hành phân loại rác ngay từ nơi thải ra. Rác thải thông thường từ các nguồn thải khác nhau được phân loại theo hai nhóm chính: nhóm các chất có thể thu hồi tái sử dụng, tái chế và nhóm các chất phải xử lý chôn lấp hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- Phương thức thu gom: Với các nơi công cộng như khu vực cây xanh, đường trục chính... đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín dung tích tối thiểu là 1m<sup>3</sup> khoảng cách 100m/thùng.

- Rác thải phải được hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển về nơi quy định


**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Yêu cầu Chủ đầu tư (Công ty TNHH Quốc Trí) có phương án và kế hoạch đền bù, giải phóng mặt bằng cho khu vực lập quy hoạch.

Giao phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, các phòng ban liên quan, Công ty TNHH Quốc Trí (đơn vị chủ đầu tư), UBND xã Hoàng Trường có trách nhiệm: Tổ chức công bố, công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan liên quan và nhân dân trong vùng quy hoạch biết và thực hiện.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Trưởng phòng Tài Chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Hoàng Trường; Công ty TNHH Quốc Trí, Trưởng các phòng ban, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 Quyết định;
- Các PCT (đề b/c)
- Lưu: KT-HT, VT;

**CHỦ TỊCH**  
  
  
**Lê Sỹ Nghiêm**